

NGUYỄN KHUYẾN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu hoàn cảnh lịch sử phức tạp và phẩm cách con người Nguyễn Khuyến – một nhà nho tài hoa, coi trọng danh tiết.*
- *Thấy được các thành tựu văn học chủ yếu của nhà thơ, đặc biệt là thơ trào phúng, thơ về dân tình làng cảnh với một ngôn từ thuần Việt điêu luyện.*

I – CUỘC ĐỜI

Nguyễn Khuyến (1835 - 1909) hiệu là Quế Sơn, quê làng Và, xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Ông xuất thân trong một gia đình có nhiều người đỗ đạt, làm quan to dưới triều nhà Mạc, nhà Lê. Nhưng đến đời ông thân sinh thì nghèo túng, sống bằng nghề dạy học ở làng quê. Lúc nhỏ, ông tên là Nguyễn Thắng, nhà nghèo, có chí chăm học. Đường công danh tuy có nhiều trắc trở nhưng ông đã vượt qua và đạt đỉnh vinh quang. Năm 1864, ở tuổi hai mươi chín, ông thi Hương đỗ Giải nguyên ("nguyên" nghĩa là đầu). Năm sau vào Huế thi Hội không đỗ. Năm 1871, thi Hội lần thứ hai đỗ Hội nguyên, thi Đình đỗ Đình nguyên. Do đỗ đầu



Nguyễn Khuyến
(Hồng Kì phục họa năm Nhâm Tuất, 1922)

cả ba kì thi nên người ta gọi Nguyễn Khuyến là Tam nguyên Yên Đổ. Tính ra ông chín lần thi mới đạt được thành công. Điều đó chứng tỏ ý chí, nghị lực học tập của ông thật đáng khâm phục. Sau khi đỗ Đình nguyên, theo *Quốc triều hương khoa lục*, ông được vua Tự Đức đổi tên là Nguyễn Khuyến.

Những năm Nguyễn Khuyến đi học và đi thi là lúc đất nước gặp nạn ngoại xâm. Từ năm 1862 đến 1867, giặc Pháp chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ. Năm 1882 - 1883, thực dân Pháp đánh Bắc Kỳ; tháng 8 - 1883 chúng ép triều Nguyễn kí hiệp ước chấp nhận ách thống trị trên cả ba kì. Sau khi thi đỗ, Nguyễn Khuyến đã lần lượt

làm các chức quan ở triều đình Huế, ở Thanh Hoá, Quảng Ngãi. Năm 1883, khi thực dân Pháp chiếm Sơn Tây, quan đầu tỉnh bỏ chạy, Nguyễn Khuyến được cử làm Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên⁽¹⁾, nhưng ông không nhận chức và năm sau lấy cớ đau mắt xin về hưu, lúc mới bốn mươi chín tuổi. Nguyễn Khuyến sống ở làng quê suốt hai mươi lăm năm và mất năm 1909, thọ bảy mươi tư tuổi.

Xuất thân từ gia đình nhà nho nghèo, Nguyễn Khuyến đã gắng học để đỗ đạt làm quan, nhưng trước cảnh nước mất ông đã từ quan về ở ẩn, thể hiện tinh thần bất hợp tác với giặc, giữ cho mình nhân cách trong sạch.

II – SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

Sáng tác của Nguyễn Khuyến khá phong phú. Ông để lại hơn tám trăm tác phẩm gồm thơ, câu đối, văn viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, phần lớn đều làm sau khi từ quan về làng, đến nay mới giới thiệu được khoảng bốn trăm tác phẩm. Sinh thời hầu như Nguyễn Khuyến không quan tâm biên soạn tác phẩm của mình thành tập như nhiều nhà thơ khác. Các tuyển tập tác phẩm của ông quy mô nhất là *Thơ văn Nguyễn Khuyến*⁽²⁾ và *Nguyễn Khuyến – tác phẩm*⁽³⁾, đều do các nhà nghiên cứu hiện đại biên soạn⁽⁴⁾.

1. Tâm sự yêu nước, u hoài trước sự đổi thay của thời cuộc

Thời đại Nguyễn Khuyến là một thời đại khủng hoảng toàn diện về hệ tư tưởng và văn hoá. Nho học – hệ tư tưởng chính thống – đã sa sút từ cuối triều Lê. Sự xâm lược của thực dân Pháp càng làm lộ rõ sự bất lực của hệ tư tưởng ấy. Các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ đã cho thấy văn minh phương Tây thiết thực hơn Nho học. Do đó, trước hoàn cảnh mất nước, tuy là nhà nho đỗ đạt cao, từng ra làm quan và đã về hưu, nhưng trong lòng Nguyễn Khuyến vẫn luôn canh cánh mặc cảm về sự bất lực của mình trước hiện tình đất nước :

*Vốn không thực học phù đời loạn,
Uổng chút hư danh đổ đại khoa.*

(Cận thuật – dịch thơ chữ Hán)

(1) *Sơn Hưng Tuyên* : tên một tỉnh thời phong kiến gồm Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang.

(2) *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, Xuân Diệu giới thiệu, NXB Văn học, Hà Nội, 1971.

(3) *Nguyễn Khuyến – tác phẩm*, Nguyễn Văn Huyền biên soạn và giới thiệu, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.

(4) Hiện còn khoảng hai chục tập văn bản Hán, Nôm chép thơ văn ông mà không rõ ai chép, chép bao giờ và sắp xếp phần nhiều tùy tiện.

Sự đối lập "thực học" với "hư danh" thể hiện rất rõ khuynh hướng tư tưởng của nhà thơ. Ông tự chế giễu cái danh vị hão của mình – một vị đại khoa :

*Cũng cờ cũng biển cũng cân đai,
Cũng gọi ông nghè có kém ai.
[...] Nghĩ rằng đồ thật hoá đồ chơi !*

(Tiến sĩ giấy)

Ông cũng thấy sự vô nghĩa của việc làm quan dưới ách đô hộ – chẳng qua là vua quan phường chèo, không có thực quyền :

*Vua chèo còn chẳng ra gì
Quan chèo vai nhỏ khác chi thằng hề.*

(Lời vợ người hát chèo)

Là một nhà nho, Nguyễn Khuyến có ý thức giữ trọn chữ "tiết" trong thời loạn. Trong bài hát nói *Mẹ Mốc*, ông mượn hình ảnh người đàn bà do bị mất chồng con, hoá dại để nói chí mình :

*Nhớ chồng con muốn dậm xa tìm,
Giữ son sắt êm đêm một tiết,
Sạch như nước, trắng như gà, trong như tuyết,
Mảnh gương trong vầng vặc quyết không nhỡ.
Đắp tai ngoảnh mặt làm ngơ,
Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thấy ;
Khôn kia để bán dại này.*

Có lẽ đó là tâm sự đã thúc đẩy Nguyễn Khuyến từ quan về làng. Cho đến trước khi mất, trong bài *Di chúc* nổi tiếng ông có câu dặn lại con cháu :

*Đề vào mấy chữ trong bia
Rằng : Quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu.*

Ông không muốn người đời đánh đồng ông với "quan nhà Nguyễn" dưới thời thực dân Pháp thống trị.

Nhưng về làng, nỗi buồn mất nước vẫn cứ khắc khoải khôn người :

*Khắc khoải sầu đưa giọng lỉm lơ,
Ấy hồn Thục đế⁽¹⁾ thác bao giờ ?*

(1) *Thục đế* : vua nước Thục. Truyền thuyết xưa nói vua nước Thục là Đỗ Vũ, sau khi nhường ngôi cho người khác, lên núi ở ẩn, chết hoá thành chim đỗ quyên, tiếng kêu ai oán nhớ nước cũ.

*Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan, bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?
Thâu đêm rờn rã kêu ai đó,
Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ.*

(Cuộc kêu cầm hương)

Tiếng cuộc kêu hay chính là tâm sự day dứt, đau đớn của người dân mất nước tự thấy bất lực trước thời cuộc ?

2. Nhà thơ lớn của dân tình làng cảnh Việt Nam

Tuy có làm quan hơn mười năm, nhưng phần lớn thời gian còn lại Nguyễn Khuyến sống ở quê nhà. Gắn bó với người, với cảnh làng quê, chia sẻ với người dân mọi nỗi đắng cay, cực khổ của ngày hạn, ngày lụt, năm mất mùa, đói kém, Nguyễn Khuyến đã làm thơ, câu đối thể hiện cảm xúc đối với bạn bè, người thân, cảnh sắc và sinh hoạt nông thôn, mở ra một dòng thơ về dân tình làng cảnh Việt Nam.

Trước kia, trong văn chương Việt Nam thịnh thoảng cũng có tác phẩm viết về nông thôn, nhưng hình ảnh làng quê nói chung còn mờ nhạt. Phải đến Nguyễn Khuyến, lần đầu tiên đời sống nông thôn Việt Nam mới thực sự đi vào văn học. Qua các bài vịnh cảnh, vịnh vật, thơ tặng bạn bè, hàng xóm, câu đối viếng người làng, mừng đám cưới, mừng nhà mới,... ta thấy thơ ông đầy ấp tình cảm và cảnh sống hằng ngày. Ông viết nhiều về thiên nhiên với ngòi bút ấm áp, bình dị. Đó là cảnh trong các bài thơ *Vịnh mùa thu*, *Câu cá mùa thu*, *Uống rượu mùa thu*. Cảnh lụt Hà Nam được Nguyễn Khuyến miêu tả qua những chi tiết sinh động như thực :

*Bóng thuyền thấp thoáng dờn trên vách
Tiếng sóng long bong vỗ trước nhà.*

(Vịnh lụt)

Có những cảnh ngày thường gần gũi, thân thuộc ở thôn quê có lẽ đến Nguyễn Khuyến mới được đưa vào thơ chân thực thế này :

*Trâu già gốc bụi phì hơi nấn g
Chó nhỏ bên ao cắn tiếng người.*

(Đến chơi nhà bác Đặng)

Ông nói lên một cách chân thật tâm sự của nhà nông :

*Năm nay cây cấy vẫn chân thua,
Chiêm mất đặng chiêm mùa mất mùa.
Phần thuế quan Tây, phần trả nợ,
Nửa công đũa ở, nửa thuê bò.
Sớm trưa đưa muối cho qua bữa,
Chợ búa trâu chèo chẳng dám mua.*

(Chốn quê)

Bài này còn có tên là *Thuật lại lời đàn bà đi đường tính toán chuyện làm ăn* chứng tỏ cả bài thơ là lời của người làm ruộng. Với những bài thơ chân thực, mới mẻ như những phát hiện lần đầu về sinh hoạt và tâm tình người nông dân, Nguyễn Khuyến đã trở thành nhà thơ của làng quê Việt Nam.

3. Ngòi bút trào phúng thâm thúy

Do sự khủng hoảng sâu sắc về tư tưởng và văn hoá của thời đại, Nguyễn Khuyến hầu như đã mất hết niềm tự hào về chữ nghĩa thánh hiền⁽¹⁾. Ông thuộc lớp nhà thơ trung đại đầu tiên biết tự cười cái danh vọng của mình. Tiếng cười trong thơ trước đó thường thiên về chế nhạo người khác. Trong bài *Tự trào*, ông viết :

*Ta cũng chẳng giàu, cũng chẳng sang,
Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làn nhàng.
Cờ đương dỏ cuộc, không còn nước⁽²⁾,
Bạc chữa thâu canh đã chạy làn⁽³⁾.
Mở miệng nói ra gàn bát sách⁽⁴⁾,
Mềm môi chén mãi tít cung thang⁽⁵⁾.*

(1) *Thánh hiền* : danh hiệu dùng để gọi các bậc hiền tài vượt hẳn người thường, chủ yếu chỉ những người sáng lập đạo Nho như Khổng Tử, Mạnh Tử

(2) *Không còn nước* : bí không có nước đi khi đánh cờ. Cả câu ngụ ý chỉ thời tác giả sống, giặc Pháp chiếm dân nước ta mà không có cách nào xoay chuyển được.

(3) *Chạy làn* : đánh bạc nửa chừng, bỏ không chơi nữa. Cả câu ngụ ý mình chưa trọn cuộc đời làm quan mà phải bỏ về nhà.

(4) *Gàn bát sách* : *bát sách* là tên một quân bài tổ tôm. *Gàn bát sách* là thành ngữ chỉ suy nghĩ, hành động trái lẽ thường, khiến mọi người khó chịu.

(5) *Tít cung thang* : (*thang* : tên quân bài tổ tôm, đối với quân *bát sách* ở câu trên). "Tít cung thang" là trạng thái say sưa cao độ.

*Nghĩ mình lại góm cho mình nhĩ,
Thế cũng bìa xanh, cũng bảng vàng!*

Nhà thơ cười cái vô tích sự của mình, một kẻ khoa bảng mà nửa cuộc đời sống như một người thừa.

Nguyễn Khuyến cũng chế nhạo các hiện tượng nhớ nhãng đương thời. Thời đó, thực dân Pháp thường tổ chức những ngày "hội Tây" (ngày Cách mạng Pháp 14 - 7) với những trò chơi cây đu, leo cột mỡ, đua thuyền, v.v. nhằm tô vẽ cho sự "khai hoá" và "thịnh vượng" của chế độ thực dân và nhiều người đã tham gia các trò vui đó một cách vô ý thức. Nhà thơ chế giễu đáng về vô cảm, không biết nhục của những kẻ tham gia trò chơi ngày "hội Tây" ở xứ thuộc địa :

*Bà quan tênh nghếch xem bơi trái,
Thằng bé lom khom ghé hát chèo.
Cây sức cây đu nhiều chị nhún,
Tham tiên cột mỡ lắm anh leo.
Khen ai khéo vẽ trò vui thế,
Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu.*

(*Hội Tây*)

Tiếng cười của ông là tiếng cười của lương tâm, của ý thức liêm sỉ, thâm thúy và thấm đẫm nước mắt.

4. Nghệ thuật thơ văn Nôm bạc thầy

Thơ chữ Hán của Nguyễn Khuyến rất nhiều và cũng rất đặc sắc, song chỉ có thơ văn Nôm của ông là phần được mọi người khâm phục hơn hết. Thơ Nôm Nguyễn Khuyến chủ yếu được làm sau khi ông đã từ quan về làng. Đây là ngôn ngữ mà ông dùng để giải bày tâm sự.

Nguyễn Khuyến sử dụng các thể văn chương quen thuộc như thất ngôn bát cú Đường luật, câu đối, hát nói, song thất lục bát mà thể nào cũng thành công. Ông có đóng góp lớn về thể câu đối Nôm và tiếp tục phát triển thể loại hát nói. Nổi bật hơn cả là Nguyễn Khuyến đã đưa tiếng nói sinh hoạt dân dã, bình dị vào các thể thơ truyền thống một cách tinh tế, sâu sắc, nhiều khi hóm hỉnh, tự nhiên mà thành thơ. Bài thơ điều luyện như không còn chút dấu vết nào của niêm luật gò bó vốn có của thơ cổ điển. Những bài *Vịnh lụt*, *Chốn quê*, *Bạn đến chơi nhà*, *Đến chơi nhà bác Đặng*, *Câu cá mùa thu*, *Vịnh mùa thu*, *Tự trào*, *Tiến sĩ giấy*, *Khóc Dương Khuê*, *Tự thuật*, *Hội Tây*,... đều thể hiện một ngôn từ thơ với rất nhiều tục ngữ, thành ngữ, từ láy,... giàu chất tạo hình, gợi cảm. Ông là một bậc thầy chơi chữ. Chẳng hạn, câu đối viết cho người vợ khóc chồng làm nghề thợ nhuộm :

*Thiếp kể từ lá thắm xe duyên, khi vận tía, lúc con đen, điều đại điều khôn nhờ
bố đỏ.*

*Chàng ở dưới suối vàng nghĩ lại, vợ má hồng, con răng trắng, tím gan tím ruột
với ông xanh.*

(Vợ thợ nhuộm khóc chồng)

Ông rất sành bút pháp ước lệ truyền thống như bài *Cuốc kêu cảm hứng* nhưng cũng sành bút pháp tả thực như *Vịnh lụt, Chốn quê,...* Trong thơ Nguyễn Khuyến luôn có một nụ cười kín đáo, thâm trầm, một tấm lòng đôn hậu.

*
* *

Nguyễn Khuyến là nhà thơ của thời đại khủng hoảng sâu sắc về tư tưởng và văn hoá, khi Nho học đã tỏ ra bất lực trước sự nghiệp cứu nước. Thơ ông, một mặt là tiếng nói day dứt, u hoài của lương tâm, trách nhiệm của người trí thức trước vận mệnh đất nước, mặt khác thể hiện tình cảm gắn bó thân thiết đối với con người và làng quê Việt Nam. Nguyễn Khuyến là một trong những nhà thơ lớn cuối cùng của thời trung đại. Ông sử dụng các thể loại văn học cổ nhưng lại tạo thành một phong cách mới với ngôn ngữ mộc mạc, hồn hậu có khả năng biểu hiện cái hồn Việt trong những cảnh sống bình dị, ấm áp, khiến cho ông được mệnh danh là nhà thơ của dân tình làng cảnh Việt Nam.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy cho biết những nét đáng chú ý về cuộc đời và con người của nhà thơ Nguyễn Khuyến.
2. Kể tên các tác phẩm của Nguyễn Khuyến mà anh (chị) đã học. Tâm sự yêu nước và tình cảm gắn bó với bạn bè, gia đình, làng mạc của nhà thơ biểu hiện như thế nào ?
3. Vì sao có thể nói Nguyễn Khuyến là nhà thơ của dân tình làng cảnh Việt Nam ?
4. Nêu dẫn chứng cho thấy Nguyễn Khuyến đã sử dụng tài tình tiếng nói hằng ngày trong thơ (chú ý : từ ngữ, giọng điệu).

BÀI TẬP NÂNG CAO

Dựa vào hoàn cảnh lịch sử và sự khủng hoảng tư tưởng của thời đại Nguyễn Khuyến, hãy giải thích tâm sự của nhà thơ qua các tác phẩm : *Tự trào, Tiến sĩ giấy, Vịnh mùa thu*.